TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/4/2022
V/v "***Tranh chấp ly hôn*** "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Thúy Hằng
2. Ông Đoàn Minh Trung

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ RumBa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ánh Việt- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Mai L, sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Trú ở: Thôn H, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Võ Đông N, sinh năm 1981

Trú ở: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện do bà Bùi Thị Mai L gửi ngày 23/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà L trình bày: Vào năm 2003, bà L và ông Võ Đông N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện P. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hạnh phúc bình thường, sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn lý do ông N thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo vợ con, không đưa tiền để nuôi con, qua tìm hiểu bà L được biết ông N thường xuyên bỏ nhà đi trai gái và cờ bạc nhưng vì các con còn nhỏ nên bà L vẫn chịu đựng. Đến năm 2018 thì ông N không đi về nhà nữa, đi đâu làm gì bà L không biết, nhiều lần bà L liên lạc qua điện thoại nhưng ông N không bắt máy nên bà L đã bỏ về nhà cha, mẹ đẻ ở cho đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không ai

quan tâm đến ai, mặc dù ông N vẫn thường xuyên đi về phía gia đình của ông N. Nay bà L không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Võ Đông Q, sinh ngày 22/4/2003; Võ Mỹ Gia H, sinh ngày 20/10/2012 và Võ Gia H, sinh ngày 08/4/2019, hiện nay các con đang ở với bà L. Ly hôn bà L xin nhận nuôi cháu H và cháu H, không yêu cầu ông Nam phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Q đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Võ Đông N đã được Tòa án nhân dân huyện P tống đạt tập hợp lệ các văn bản tố tụng để hòa giải và xét xử nhưng ông N đều vắng mặt. Theo biên bản làm việc ngày 24/02/2022 ông Võ Đông H là cha ruột ông N trình bày: anh N và chị L mâu thuẫn đã hơn một năm nay, lý do gì thì ông H không rõ, anh N đang đi làm ăn xa, đi từ trước tết nguyên đán năm 2022 cho đến nay, chị L có gửi hai con chung của vợ chồng L, N cho gia đình ông H nuôi nhưng nay chị L đưa đơn ly hôn nên ông H không đồng ý tiếp tục nuôi giúp hai cháu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà Bùi Thị Mai L được ly hôn với ông Võ Đông N; Về con chung: Giao hai con chung Võ Mỹ Gia H, sinh ngày 20/10/2012 và Võ Gia H, sinh ngày 08/4/2019 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu H là được ở với mẹ), bà L không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi hai con chung nên đề nghị Tòa không xét; Đối với cháu Võ Đông Q đã trưởng thành có khả năng lao động nên đề nghị Tòa không xét; Về tài sản chung, bà L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1]Về thủ tục tố tụng**: Bị đơn ông Võ Đông N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Mai L và ông Võ Đông N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không sống chung với nhau từ năm 2018 và không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Qua xác minh ông Võ Đông H là cha ruột ông N trình bày: Vợ chồng L và N đã xảy ra mâu thuẫn, anh N đã bỏ nhà đi làm ăn xa từ trước tết nguyên đán năm 2022. Xét thấy, hôn nhân giữa bà L và ông N không còn hạnh phúc, mâu thuẫn

giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông N.

[2]Về con chung: Vợ chồng bà Bùi Thị Mai L và ông Võ Đông N có 03 con chung là Võ Đông Q, sinh ngày 22/4/2003; Võ Mỹ Gia H, sinh ngày 20/10/2012 và Võ Gia H, sinh ngày 08/4/2019. Tại phiên tòa, bà L xin được trực tiếp nuôi cháu H và cháu H. Xét thấy, hiện nay cháu H và cháu H còn nhỏ, đồng thời để đảm bảo sự phát triển ổn định cuộc sống như lâu nay của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bà L, giao cháu H và cháu H cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu H xin được ở với mẹ). Đối với cháu Võ Đông Q đã trưởng thành có khả năng lao động bà L không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đã được giải thích theo quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng bà L vẫn không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[**3] Về tài sản chung**: Bà Bùi Thị Mai L không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

[**4] Về án phí**: Bà Bùi Thị Mai L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

***Tuyên xử*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà Bùi Thị Mai L được ly hôn với ông Võ Đông N.

Về con chung: Giao 02 con chung Võ Mỹ Gia H, sinh ngày 20/10/2012 và Võ Gia H, sinh ngày 08/4/2019 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu Hân xin được ở với mẹ). Bà L không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Tòa không xét. Đối với cháu Võ Đông Q đã trưởng thành có khả năng lao động, bà L không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Mai L không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Tòa án.

Bà Bùi Thị Mai L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST. Bà L đã nộp đủ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004245 ngày 23/11/2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P, Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND H.P;
- CCTHADS H P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã H,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Sơn